

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Bản án số: 122/2023/KDTM-ST  
Ngày: 22-9-2023  
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

#### TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Mai Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Bà Võ Thị Thanh Thu

2/Ông Phạm Văn Chính

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông [Nguyễn Quang Tuấn](#) – Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2022/TLST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 390/2023/QĐXXST-KDTM ngày 24/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 292/2023/QĐST-KDTM ngày 22/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: [Ngân hàng TMCP P \(O\)](#)

Trụ sở: [Số D](#) (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà) và [Số D L, phường B, Quận A, Tp.](#)

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông [Lê Thương T1](#) (có yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: [Tầng G, Số D, Phường D, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.](#)

(Theo giấy ủy quyền số 81/2022/UQ-OCB ngày 29/3/2022)

Bị đơn: [Công ty TNHH M](#)

Trụ sở: 4/98H, [ấp N, xã T, huyện H, Tp.HCM](#)

Người đại diện theo pháp luật: Bà [Phạm Thị Thanh T2](#) – Giám đốc (có yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ: [Số H phố L, phường C, Thành phố H, tỉnh Hải Dương](#)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông [Phạm Văn T3](#), sinh năm 1972 (vắng mặt)

Thường trú: Quốc Tuấn, [A, Hải Phòng](#)

Địa chỉ hiện nay: [B Khu phố T, thành phố D, tỉnh Bình Dương](#).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

[Công ty TNHH M](#) (nay viết tắt là [công ty M](#)) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0145/2018/HĐTD-DN ngày 05/02/2018 với [Ngân hàng TMCP P \(Q\)](#) để vay vốn, chi tiết như sau Số tiền vay: 883.000.000 đồng (Tám trăm tám mươi ba triệu đồng); Mục đích vay: Vay mua phương tiện vận chuyển, Xe ô tô Toyota Camry 2.5Q, số tự động, 05 chỗ, động cơ xăng, lắp ráp tại Việt Nam, mới 100%, màu đen (218); Thời hạn vay : 84 tháng; Lãi suất vay 7,99%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 360 ngày). Tương đương lãi suất vay trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày là 8,1010%/năm, với công thức quy đổi là  $(7,99\%/năm : 360 \text{ ngày}) \times 365 \text{ ngày}$  áp dụng trong 12 tháng đầu. Từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức tính lãi như sau: Lãi suất vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + Biên độ lãi suất. Trong đó: Lãi suất cơ sở: (Bảng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố tại thời điểm tính lãi: 360) x 365 Biên độ lãi suất:  $(3,7\%/năm : 360) \times 365$ . Áp dụng theo gói tín dụng ưu đãi “Vay nhanh - Giá rẻ” hoặc các chương trình ưu đãi lãi suất khác của OCB nếu thuộc đối tượng Thay đổi lãi suất: Kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cơ sở, biên độ lãi suất và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của [Q](#) tại từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Việc giải ngân được thực hiện thông qua các Khế ước nhận nợ số: 0145.01/2018-OCB/KUNN-DN ngày 05/02/2018

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên bao gồm: Xe Ô tô con biển số đăng ký 51G-146.02 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 342510 do [Phòng C - Công an Thành Phố H](#) cấp ngày 01/02/2018 do [Công ty TNHH M](#) là chủ sở hữu/ sử dụng Tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số 0145/2018/BĐ ngày 05/02/2018, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0145.01/SĐBS-HĐBĐ sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số 0145/2017/Bđ ngày 28/02/2018 và Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 05/2/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng [Công ty TNHH M](#) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 0145/2018/HĐTD-DN ngày 05/02/2018 và Khế ước nhận nợ đã được ký kết giữa OCB với [Công ty TNHH M](#).

Vì vậy, [Ngân hàng TMCP P](#) kính đề nghị [Q](#) Tòa án xem xét giải quyết những yêu cầu sau:

1. Buộc [Công ty TNHH M](#) trả cho [Ngân hàng TMCP P](#) tổng số nợ của hợp đồng tín dụng số 0145/2018/HĐTD-DN ngày 05/02/2018 và Khế ước nhận nợ đã được ký kết tạm tính đến ngày 22/9/2023 là 661,091,292 đồng trong đó: Nợ gốc là 483,999,920 đồng, [N](#) lãi trong hạn là 100,053,287 đồng, [N](#) lãi quá hạn: 77,038,085 đồng.

Ngoài ra [Công ty TNHH M](#) còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ đã ký kết từ ngày 23/9/2023 cho đến khi [Công ty TNHH M](#) hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho [Ngân hàng TMCP P](#). Thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi quyết định bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1. Nếu [Công ty TNHH M](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì [Ngân hàng TMCP P](#) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng bảo đảm tài sản số 0145/2018/BĐ ngày 05/02/2018 để thu hồi toàn bộ nợ vay của [Công ty TNHH M](#) tại [Ngân hàng TMCP P](#) theo quy định pháp luật. Chi tiết tài sản bảo đảm như sau: Xe Ô tô con biển số đăng ký 51G-146.02 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 342510 do [Phòng C - Công an Thành Phố H](#) cấp ngày 01/02/2018 do [Công ty TNHH M](#) là chủ sở hữu/ sử dụng.

*Tại bản tự khai ngày 19/4/2023, bị đơn [Công ty TNHH M](#) người đại diện theo pháp luật là bà [Phạm Thị Thanh T2](#) trình bày:*

[Công ty TNHH M](#) ý thống nhất lời khai của phía ngân hàng về việc ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, các khoản vay, lãi suất, quá trình thực hiện hợp đồng, các khoản vay và tiền lãi còn nợ là đúng. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh, công ty gặp khó khăn và mất khả năng thanh toán cho đến nay. Bị đơn xác nhận còn nợ ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/3/2022 là 542,275,714 đồng, gồm nợ gốc là 483,999,920 đồng, nợ lãi 58,275,794 đồng. Trường hợp không trả được nợ thì Công ty đồng ý để Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là Xe Ô tô con biển số đăng ký 51G-146.02 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 342510 do [Phòng C - Công an Thành Phố H](#) cấp ngày 01/02/2018 do [Công ty TNHH M](#) là chủ sở hữu để thanh toán các khoản nợ.

Đối với xe Ô tô con biển số đăng ký 51G-146.02 (tài sản thế chấp) hiện nay do ông [Phạm Văn T3](#) là chồng của bà [T2](#) đang sử dụng. Do hiện nay bà [T2](#) đang sinh sống tại [thành phố H](#) nên xin vắng mặt trong quá trình tố tụng bao gồm cả việc xét xử tại Tòa án.

*Tại bản tự khai ngày 14/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông [Phạm Văn T3](#) trình bày:*

Ông là chồng của bà [Phạm Thị Thanh T2](#). Ông thống nhất lời khai của phía ngân hàng và [Công ty TNHH M](#) việc ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, các khoản vay, lãi suất, quá trình thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh, công ty gặp khó khăn và mất khả năng thanh toán từ tháng 8/2020 cho đến nay.

Nay [Ngân hàng TMCP P](#) yêu cầu [Công ty TNHH M](#) T&T trả cho [Ngân hàng TMCP P](#) tổng số nợ của hợp đồng tín dụng số 0145/2018/HĐTD-DN ngày 05/02/2018 và Khế ước nhận nợ đã được ký kết tạm tính đến ngày 21/7/2023 là 654,177,074 đồng trong đó: Nợ gốc là 483,999,920 đồng, [N](#) lãi trong hạn là 100,053,287 đồng, [N](#) lãi quá hạn: 70,123,867 đồng. Ngoài ra [Công ty TNHH M](#) còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ đã ký kết từ ngày 22/7/2023 cho đến khi [Công ty TNHH M](#) hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho [Ngân hàng TMCP P](#). Thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi quyết định bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ông không có ý kiến gì và xin thời hạn trả nợ chậm nhất ngày 30/9/2023.

Trường hợp không trả được nợ thì ông [T3](#) đồng ý để Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là xe Ô tô con biển số đăng ký 51G-146.02 theo

Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 342510 do [Phòng C - Công an Thành Phố H](#) cấp ngày 01/02/2018 do [Công ty TNHH M](#) là chủ sở hữu để thanh toán các khoản nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.
- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng TMCP P \(OCB\)](#)

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và bị đơn có trụ sở tại [huyện H](#) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Toà án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông [Phạm Văn T3](#) đều vắng mặt. Đại diện bị đơn có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với số tiền gốc 483,999,920 đồng, thấy rằng:

Bà [Phạm Thi Thanh T2](#) là người đại diện theo pháp luật của [Công ty TNHH M](#) ký Hợp đồng tín dụng số 0145/2018/HĐTD-DN ngày 05/02/2018 và Khế ước nhận nợ-Khách hàng doanh nghiệp số 0145.01/2018-OCB/KUNN-DN ngày 05/02/2018 với [Ngân hàng TMCP P \(O\)](#) Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân cho [công ty M](#) vay tổng cộng là 883,000,000 đồng.

Quá trình vay vốn, [công ty M](#) thanh toán nợ gốc 399,000,080 đồng, dư nợ gốc còn lại: 483,999,920 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng thừa nhận số nợ gốc này, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 483,999,920 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3.2] Đối với số tiền lãi:

Hợp đồng tín dụng số 0145/2018/HĐTD-DN ngày 05/02/2018 và Khế ước nhận nợ-Khách hàng doanh nghiệp số 0145.01/2018-OCB/KUNN-DN ngày 05/02/2018 thể hiện: số tiền vay 883,000,000 đồng, Lãi suất vay 7,99%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 360 ngày). Tương đương lãi suất vay trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày là 8,1010%/năm, với công thức quy đổi là  $(7,99\%/năm:360 \text{ ngày}) \times 365 \text{ ngày}$  áp dụng trong 12 tháng đầu. Từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức tính lãi như sau: Lãi suất vay (điều chỉnh) = Lãi

suất cơ sở + Biên độ lãi suất. Trong đó: Lãi suất cơ sở: (Bảng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố tại thời điểm tính lãi: 360) x 365  
Biên độ lãi suất: (3,7%/năm: 360) x 365. Áp dụng theo gói tín dụng ưu đãi “Vay nhanh - Giá rẻ” hoặc các chương trình ưu đãi lãi suất khác của OCB nếu thuộc đối tượng Thay đổi lãi suất: Kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cơ sở, biên độ lãi suất và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của [O](#) tại từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Việc giải ngân được thực hiện thông qua các Khế ước nhận nợ số: 0145.01/2018-OCB/KUNN-DN ngày 05/02/2018. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào ngày 25/4/2021 nên bị đơn phải chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ ngày 25/4/2021 khi khoản vay chuyển nợ quá hạn đối với số tiền gốc còn lại 483,999,920 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trong hạn là 100,053,287 đồng, [N](#) lãi quá hạn: 70,123,867 đồng. Tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nêu trên được thể hiện cụ thể tại Bảng chi tiết tính lãi ngày 22/9/2023 là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng đã ký, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Vì vậy, yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi và các chi phí phát sinh theo các hợp đồng đã ký kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

[Ngân hàng TMCP P](#) đã đôn đốc, tạo điều kiện cho [công ty M](#) thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời gian dài nhưng [công ty M](#) vẫn không thực hiện. Việc này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng nên việc [Ngân hàng TMCP P](#) yêu cầu [Công ty TNHH M](#) toán toàn bộ số nợ nêu trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu về xử lý tài sản đảm bảo của nguyên đơn:

Căn cứ các Hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số 0145/2018/BĐ ngày 05/02/2018 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0145.01/SĐBS-HĐBĐ ngày 28/02/2018, xác định [Công ty TNHH M](#) chấp xe ô tô nhãn hiệu ô tô TOYOTA, loại xe CAMRY, biển số 51G-146.02, số máy 2AR1866724, số khung RL4BF3FK0H6011432, theo Giấy đăng ký xe ô tô số 342510 do [Phòng C - Công an Thành Phố H](#) cấp ngày 01/02/2018 để bảo đảm cho các khoản vay.

Các hợp đồng thế chấp nêu trên đã được ký kết và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại các Điều 117, 119, 295, 297, 298, 299, 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực pháp luật, và các bên có nghĩa vụ thi hành.

Vì vậy, trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là phù hợp với thỏa thuận đã ký giữa các bên, phù hợp với sự thừa nhận của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xin gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 30/9/2023.

Theo đơn khởi kiện, [Ngân hàng TMCP P](#) yêu cầu bị đơn [Công ty TNHH P](#) nợ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông [Phạm Văn T3](#) không có yêu cầu độc lập; do đó Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến của ông [T3](#).

[5] Phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tại phiên tòa, về việc đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cùng nhận định với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 22/9/2023 là 661,091,292 đồng trong đó: Nợ gốc là 483,999,920 đồng, [N](#) lãi trong hạn là 100,053,287 đồng, [N](#) lãi quá hạn: 77,038,085 đồng; buộc bị đơn phải tiếp tục thanh tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ; trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[6] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 30,443,652 đồng, [Công ty TNHH M](#) chịu theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, 119, 295, 297, 298, 299, 317, 318, 319, 351 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ Điều 7, 8, 10, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng TMCP P](#) ([O](#))

Buộc [Công ty TNHH M](#) trả cho [Ngân hàng TMCP P](#) (OCB) tạm tính đến ngày 22/9/2023 là 22/9/2023 là 661,091,292 (sáu trăm sáu mươi một triệu, không trăm chín

mười một ngàn, hai trăm chín mươi hai) đồng, trong đó: Nợ gốc là 483,999,920 đồng, N lãi trong hạn là 100,053,287 đồng, N lãi quá hạn: 77,038,085 đồng.

Công ty TNHH M trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 0145/2018/HĐTD-DN ngày 05/02/2018 và Khế ước nhận nợ-Khách hàng doanh nghiệp số 0145.01/2018-OCB/KUNN-DN ngày 05/02/2018 ký giữa Công ty TNHH P (O)

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Ngay sau khi Công ty TNHH M toán xong khoản nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP P (O) trả lại cho Công ty TNHH P chính Giấy đăng ký xe ô tô số 342510 do Phòng C - Công an Thành Phố H cấp ngày 01/02/2018.

3. Trường hợp Công ty TNHH P được nợ, Ngân hàng TMCP P (OCB) quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu ô tô TOYOTA, loại xe CAMRY, biển số 51G-146.02, số máy 2AR1866724, số khung RL4BF3FK0H6011432, theo Giấy đăng ký xe ô tô số 342510 do Phòng C - Công an Thành Phố H cấp ngày 01/02/2018 để thu hồi nợ.

4. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH M chịu tiền án phí sơ thẩm số tiền là 30,443,652 (ba mươi triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm năm mươi hai) đồng, thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP P (O) tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12,845,514 (mười hai triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn năm trăm mười bốn) đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0039569 ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND H.HM;
- CCTHADS H.HM;
- TAND TP.HCM;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Quỳnh Mai Trinh**